

# Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập

## 法然上人 選擇本願念佛集

### Phần 2

#### Chương Năm

### Lợi Ích

*Sự lợi ích của Niệm Phật*

**Vô Lượng Thọ Kinh** quyển hạ nói: **Đức Phật** bảo ngài **Di Lạc**:

Nếu có người nghe  
Danh hiệu Phật ấy  
Lòng rất vui mừng  
Dù chỉ một niệm  
Nên biết người ấy  
Được lợi ích lớn  
Sẽ được đầy đủ  
Công đức vô thượng.

**Vãng Sinh Lễ Tán** của **Hòa thượng Thiện Đạo** nói:

Ai nghe được danh hiệu  
Của Đức A Di Đà  
Vui mừng, dù một niệm  
Đều được sinh cõi ấy.

*Hỏi:* Chuẩn theo lời kinh nói về ba bậc, ngoài Niệm Phật còn có các công đức phát Bồ đề tâm, v.v..., tại sao không tán dương những công đức ấy, mà chỉ riêng tán thán công đức Niệm Phật?

Trả lời: Ý thánh khó dò, ắt là có ý nghĩa sâu xa. Ở đây chỉ dựa vào ý của ngài Thiện Đạo mà giải thích. Nguyên vì bản ý của Đức Phật, tuy chỉ muốn nói trực tiếp công hạnh Niệm Phật, thế nhưng, Ngài phải tùy căn cơ chúng sinh mà nói đến các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm, v.v..., chia làm ba bậc, sâu cạn khác nhau. Hiện nay, phớt bỏ các công hạnh khác không tán thán, cho nên không bàn luận đến, mà chỉ tuyển chọn tán thán một hạnh niệm Phật, bởi thế chúng ta sẽ bàn luận đến điểm này.

Công hạnh Niệm Phật chia làm ba bậc, điều này có hai nghĩa: (1) chia theo “Quán niệm sâu cạn”, (2) chia theo “Niệm Phật nhiều ít”.

1/ Sâu cạn: như phần trên đã dẫn đoạn văn “Nếu như nói về công hạnh, đúng lý Niệm Phật là cho bậc thượng thượng”.

2/ Nhiều ít: như trong đoạn văn của bậc hạ (Hạ phẩm hạ sinh), đã có đề cập đến số mục “mười niệm nhần đến một niệm”, chuẩn theo đây, hai bậc trung và thượng, số mục niệm Phật phải nên tùy theo đó mà gia tăng. Quán Niệm Pháp Môn nói: “Mỗi ngày niệm danh hiệu Phật một vạn câu, lại cần phải tùy thời lễ bái, tán thán sự trang nghiêm Tịnh độ. Cần phải rất tinh tiến, hoặc niệm ba vạn, sáu vạn, mười

vạn câu, đây đều là bậc thượng phẩm thượng sinh”. Nên biết, niệm từ ba vạn câu trở lên là hành nghiệp của bậc thượng phẩm thượng sinh, niệm ba vạn câu trở xuống là hành nghiệp của bậc thượng trung trở xuống. Đây rõ ràng là tùy theo số mục niệm Phật nhiều ít mà phân biệt phẩm vị.

Hiện nay, ở đây nói “một niệm”, là chỉ một niệm trong phần trên “Nguyện Niệm Phật thành tựu” (Nguyện thứ mười tám), và cũng chỉ cho một niệm trong phần bậc hạ. Trong phần “Nguyện thành tựu”, tuy nói một niệm, nhưng chưa nói đến “công đức đại lợi”, và trong phần bậc hạ, tuy cũng nói đến “một niệm”, nhưng cũng chưa nói đến “công đức đại lợi”. Ở đây nói một niệm là công đức đại lợi, lại khen là “vô thượng”, nên biết đây là muốn chỉ cho “một niệm” trong phần “Nguyện Niệm Phật thành tựu” ở trên.

Ở đây, đại lợi là sánh với tiểu lợi mà nói, như vậy, ắt các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v., là tiểu lợi, còn “cho đến một niệm” là đại lợi.

Lại nữa, “công đức vô thượng” là so sánh với hữu thượng mà nói. Nếu đã cho rằng một niệm là vô thượng, như vậy, ắt mười niệm là mười vô thượng, trăm niệm là trăm vô thượng, ngàn niệm là ngàn vô thượng, và cứ như thế, từ ít đến nhiều, niệm Phật hằng sa, công đức vô thượng ắt cũng sẽ hằng sa.

Như thế, các hành giả nguyện cầu vãng sinh Tịnh độ, tại sao lại bỏ phế Niệm Phật “đại lợi vô thượng”, mà lại miến cưỡng tu tập các công hạnh “tiểu lợi hữu thượng” khác!

## Chương Sáu

### Đặc Lưu

*Sau thời một vạn năm mạt pháp, các công hạnh khác đều biến diệt, đặc biệt lưu lại một môn Niệm Phật.*

**Vô Lượng Thọ Kinh quyền hạ nói: Trong đời vị lai, kinh đạo diệt hết, ta vì từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được cứu độ.**

*Hỏi: Kinh chỉ nói “đặc biệt lưu lại kinh này”, tại sao ở đây lại nói “đặc biệt lưu lại một môn Niệm Phật”?*

Trả lời: Điều mà kinh này giảng dạy, đều là nói về Niệm Phật. Ý chỉ đã nói rõ ở phần trên, và ý tưởng của các ngài Thiện Đạo, Hoài Cảm, Huệ Tâm, v.v., cũng đều như thế. Như vậy, “kinh này lưu lại thế gian”, cũng tức là “**Niệm Phật lưu lại thế gian**”, lý do là vì kinh này tuy có nói đến phát Bồ đề tâm, nhưng không nói đến hành tướng của sự phát tâm; nói chi tiết về hành tướng của sự phát Bồ đề tâm là ở trong kinh Phát Bồ Đề Tâm, v.v.. Thế nhưng, những kinh đó bị diệt trước, như vậy y vào đâu mà tu tập phát Bồ đề tâm? Lại nữa, nói chi tiết về hành tướng của sự trì giới là ở trong giới luật của Đại, Tiểu thừa, thế nhưng, giới luật bị diệt trước, như vậy những công hạnh trì giới phải y vào đâu mà tu tập? Còn những công hạnh khác, cứ chuẩn theo đây thì sẽ rõ. Bởi thế, Hòa thượng Thiện Đạo trong Vãng Sinh Lễ Tán giải thích đoạn kinh này như sau:

Vạn năm, Tam bảo diệt  
Kinh này trụ trăm năm  
Lúc đó, nghe một niệm  
Đều được sanh Cực Lạc.

Lại nữa, giải thích đoạn kinh này, đại khái có bốn nghĩa: (1) sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Tịnh Độ và Thánh Đạo, (2) sự trụ diệt trước sau của hai giáo pháp Thập Phương Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ, (3) sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Đâu Suất Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ, (4) sự trụ, diệt trước sau của hai môn (a) Niệm Phật và (b) tu tập các công hạnh.

(1) Sự trụ diệt trước sau của hai giáo pháp Thánh Đạo và Tịnh Độ: nghĩa là các kinh điển của môn Thánh Đạo bị diệt trước, cho nên nói “kinh đạo bị diệt tận”, quyền kinh này của môn Tịnh Độ

được đặc biệt lưu lại, cho nên nói “lưu lại thế gian một trăm năm”. Nên biết, cơ duyên của môn Thánh Đạo thiên bạc, còn cơ duyên của môn Tịnh Độ thâm hậu.

(2) Sự trụ diệt trước sau của hai giáo pháp Thập Phương Tịnh Đoã và Tây Phương Tịnh Độ: nghĩa là các giáo pháp về sự vãng sinh Thập Phương Tịnh Độ bị diệt trước, cho nên nói “kinh đạo bị diệt tận”, còn quyển kinh này của pháp môn vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ được đặc biệt lưu lại thế gian, cho nên nói “lưu lại thế gian một trăm năm”. Nên biết cơ duyên vãng sinh Thập Phương Tịnh Độ thiên bạc, còn cơ duyên vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ thâm hậu.

(3) Sự trụ diệt trước sau của hai giáo pháp Đâu Suất Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ: nghĩa là các kinh nói về vãng sinh Đâu Suất như Di Lạc Thượng Sinh Kinh, Tâm Địa Quán Kinh bị diệt trước, cho nên nói “kinh đạo bị diệt tận”, còn kinh này nói về vãng sinh Tây Phương được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, nên nói “lưu lại thế gian một trăm năm”. Nên biết cõi Đâu Suất, tuy gần cõi người, thế nhưng cơ duyên thiên bạc, còn cõi Cực Lạc tuy xa, nhưng cơ duyên lại thâm hậu.

(4) Sự trụ diệt trước sau của hai môn Niệm Phật và Tu tập các công hạnh: nghĩa là giáo pháp về tu tập các công hạnh để vãng sinh bị diệt trước, cho nên nói “kinh đạo diệt tận”, kinh này của pháp môn Niệm Phật được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, cho nên nói “lưu lại thế gian một trăm năm”.

Nên biết, tu tập các công hạnh khác để vãng sinh, cơ duyên rất thiên bạc, còn tu tập công hạnh Niệm Phật vãng sinh, cơ duyên rất thâm hậu. Lại nữa, các công hạnh khác, nhân duyên vãng sinh rất ít, còn Niệm Phật vãng sinh, nhân duyên vãng sinh rất nhiều. Lại nữa, tu tập công hạnh khác để vãng sinh, chỉ hạn cục vào một vạn năm của thời mạt pháp, còn Niệm Phật vãng sinh, thì kéo dài vào thời gian một trăm năm sau khi kinh pháp diệt tận.

Hỏi: Phật nói “Ta dùng tâm từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tại thế gian một trăm năm”. Nếu như Đức Thế Tôn đã vì từ bi mà lưu lại kinh giáo, ắt là bất cứ kinh giáo nào cũng phải nên lưu lại, tại sao Ngài không lưu lại một quyển kinh khác, mà chỉ lưu lại kinh này?

Trả lời: Dù là Ngài lưu lại bất cứ một quyển kinh nào khác, cũng không tránh khỏi câu hỏi vặn vẹo này, thế nhưng, đặc biệt lưu lại quyển kinh này, ý nghĩa rất là sâu xa. Nếu theo ý của Hòa thượng Thiện Đạo, trong quyển kinh này đã có nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà, Đức Thích Ca vì lòng từ bi, muốn lưu lại sự Niệm Phật, cho nên đặc biệt lưu lại kinh này. Trong các kinh khác, chưa nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà Như Lai, cho nên Đức Thích Ca tuy từ bi, nhưng không lưu lại các kinh khác, vả lại, bốn mươi tám nguyện tuy đều là bốn nguyện, đặc biệt dùng “Niệm Phật” làm quy định cho sự vãng sinh, bởi thế, Hòa thượng Thiện Đạo giải thích như sau:

Hoàng thế nhiều môn, bốn mươi tám  
Chỉ riêng Niệm Phật rất là thân  
Phật thường niệm người hay niệm Phật  
Phật biết người tưởng Phật chuyên tâm.

Nên biết, trong bốn mươi tám nguyện, bốn nguyện “Niệm Phật vãng sinh” là vua trong các bốn nguyện, bởi thế, Đức Thích Ca từ bi đặc biệt lưu lại kinh này trên thế gian một trăm năm. Lại như, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Đức Thích Ca không phó chúc ông A Nan các công hạnh định thiện, tán thiện, mà phó chúc “công hạnh Niệm Phật”, tức là Ngài thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên chỉ phó chúc một hạnh Niệm Phật.

Hỏi: Trong khoảng trăm năm, đặc biệt lưu lại Niệm Phật, ý nghĩa này đã rõ ràng, công hạnh Niệm Phật này là chỉ thích ứng riêng cho chúng sinh thời đó, hay là chung cho căn cơ của cả ba thời chánh, tượng và mạt pháp?

Trả lời: Thích ứng chung cho cả ba thời chánh, tượng và mạt pháp. Phải nên biết đây có nghĩa là “nêu sau khuyên trước”.

# Chương Bảy

## Nhiếp Thủ

*Quang minh của Đức A Di Đà không chiếu hành giả khác, mà chỉ nhiếp thủ hành giả Niệm Phật.*

**Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói:** Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo, trong mỗi hảo lại có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi quang minh đều chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp thủ không bỏ tất cả chúng sinh Niệm Phật.

**Quán Kinh Sớ nói:** Từ câu “Đức Phật Vô Lượng Thọ”, đến câu “nhiếp thủ không bỏ”, chánh thức thuyết minh về sự quán sát các tướng riêng biệt của thân Phật A Di Đà, quang minh này làm lợi ích cho người hữu duyên, chia làm năm phần: (1) nói rõ bao nhiêu tướng, (2) nói rõ bao nhiêu hảo, (3) nói rõ bao nhiêu quang minh, (4) nói rõ quang minh chiếu bao xa, (5) nói rõ chỗ mà quang minh chiếu đến, đều được lợi ích.

**Hỏi:** Tu đầy đủ các công hạnh, chỉ cần hồi hướng đều được vãng sinh, tại sao quang minh của Phật chiếu khắp, lại chỉ nhiếp thủ những người niệm Phật, nghĩa này như thế nào?

**Trả lời:** Ở đây có ba nghĩa:

**a/ Duyên thân thiết:** chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lay Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nhớ Phật, Phật ắt biết rõ; chúng sinh nhớ Phật niệm Phật, Phật cũng nhớ chúng sinh, niệm chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, thường không xa lìa nhau, cho nên gọi là duyên thân thiết.

**b/ Duyên gần:** chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, Phật tức thời cảm ứng, hiện ra trước mắt họ, cho nên gọi là duyên gần.

**c/ Duyên tăng thượng:** chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, tức là có thể trừ diệt nhiều kiếp tội chướng, đến lúc lâm chung, Phật và thánh chúng, tự nhiên đến nghinh tiếp, những tà nghiệp trôi buộc không thể làm chướng ngại sự vãng sinh, cho nên gọi là duyên tăng thượng.

Các công hạnh khác, tuy gọi là thiện, nhưng nếu so với Niệm Phật, thì hoàn toàn không so sánh được, cho nên trong các kinh điển, chỗ nào cũng tán thán công đức Niệm Phật, chẳng hạn như kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện, chỉ nói rõ “chuyên niệm danh hiệu A Di Đà mà được vãng sinh Cực Lạc”, lại như trong kinh A Di Đà, một ngày cho đến bảy ngày, chuyên niệm danh hiệu A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc, hơn nữa, hằng sa chư Phật ở mười phương thế giới chứng minh sự chân thực về bốn nguyện của Phật A Di Đà.

Lại nữa, đoạn văn định thiện và tán thiện trong kinh này, cũng chỉ nêu rõ sự chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc, những trường hợp này không phải là duy nhất. Đến đây đã nói xong về Niệm Phật Tam Muội.

**Quán Niệm Pháp Môn nói:** “Lại nữa, như phần trước nói về quang minh của thân, tướng, v.v., mỗi một quang minh biến chiếu mười phương thế giới, thế nhưng tâm quang của Đức A Di Đà thường soi chiếu những chúng sinh chuyên niệm danh hiệu của Ngài, nhiếp hộ không bỏ, mà hoàn toàn không nói đến sự soi chiếu nhiếp hộ các chúng sinh tu các tạp hạnh khác.”

**Hỏi:** Quang minh của Phật chỉ chiếu người niệm Phật mà không chiếu người tu hạnh khác, là có ý gì?

**Trả lời:** Có hai nghĩa, (1) ba duyên: duyên thân thiết, duyên gần, duyên tăng thượng, vừa đề cập ở trên, (2) “bốn nguyện”. Các công hạnh khác không phải là bốn nguyện, cho nên không soi chiếu nhiếp hộ, Niệm Phật là bốn nguyện, cho nên soi chiếu nhiếp hộ. Bởi thế, Hòa thượng Thiệu Đạo trong Lục Thời Lễ Tán có nói:

Thân sắc Di Đà như kim sơn  
Tướng hảo quang minh chiếu mười phương  
Riêng người Niệm Phật được soi nhiếp  
Nên biết Bồn nguyện rất kiên cường.

Lại nữa, trong đoạn kinh đã dẫn nói: “Các hạnh lành khác, tuy gọi là thiện, nếu so với Niệm Phật thì hoàn toàn không so sánh được”, ý nghĩa ở đây là muốn so sánh các công hạnh của môn Tịnh Độ. Niệm Phật đã là diệu hạnh được tuyển chọn, còn các công hạnh khác là thô hạnh bị xả bỏ trong hai trăm mười ức công hạnh, cho nên nói “hoàn toàn không thể so sánh”. Hơn nữa, Niệm Phật là “hạnh bồn nguyện”, còn các công hạnh khác không phải là “hạnh bồn nguyện”, cho nên nói là “hoàn toàn không thể so sánh”.

## Chương Tám

### Ba Tâm

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh Cực Lạc, nên phát ba tâm, ắt được vãng sinh. Ba tâm ấy là tâm nào? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Người đầy đủ ba tâm, ắt sẽ sinh Cực Lạc.

*Quán Kinh Sớ nói: Kinh nói “Một là chí thành tâm. Chí tức là chân, thành tức là thực. Ý muốn nói tất cả chúng sinh, ba nghiệp thân khẩu ý tu tập giải môn, hoặc hành môn, đều phải từ tâm chân thật xuất phát, không thể bề ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tiến, mà trong tâm thì giả dối, tham lam, tà ngụy, gian trá đa đoan, hung ác dữ dằn, mưu sự nham hiểm; tuy cũng hành trì ba nghiệp, nhưng gọi là việc lành pha trộn chất độc, cũng gọi là hành trì giả dối, không được gọi là nghiệp thiện chân thực. Nếu như dùng tâm như vậy mà tu hành, dù có thân tâm lao nhọc, tinh tiến hành trì như cứu đầu đang bị cháy, cũng chỉ gọi là việc thiện pha chất độc. Muốn dùng công hạnh trộn độc này để cầu sinh Cực Lạc, đây là điều không thể được! Vì sao? Bởi vì Đức Phật A Di Đà, trong lúc tu nhân, dù trong một niệm, một sát na, ba nghiệp mà Ngài tu tập, đều phát xuất từ tâm chân thực, và những sự việc Ngài tạo tác, nguyện cầu, cũng đều là chân thực.*

*Lại nữa, chân thực có hai loại: một là tự lợi chân thực, hai là lợi tha chân thực.*

*1/ Tự lợi chân thực, lại có hai loại:*

*a/ Dùng tâm chân thực, chế phục, xả bỏ những ác hạnh của mình và người, cùng những cõi nước thô ác; trong tất cả mọi thời, nghĩ tưởng các vị Bồ tát chế phục, xả bỏ ác hạnh, mình cũng phải nên như vậy.*

*b/ Dùng tâm chân thực, siêng tu tất cả pháp thiện, dùng tâm chân thực, tán thán Đức A Di Đà cùng y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc.*

*Lại từ tâm chân thực, dùng khẩu nghiệp quở trách, nhằm chán tất cả y báo chánh báo thô ác của mình và người trong ba cõi sáu đường, lại tán thán những thiện hạnh của ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sinh, còn đối với những chúng sinh không làm thiện, kính nhi viễn chi, và cũng chẳng tùy hỷ việc làm của họ.*

*Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp chấp tay lễ kính, cúng dường y phục, thức ăn, ... đến Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc.*

*Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp, xem rõ, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.*

*Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp suy ngẫm, quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc, giống như hiện đang ở trước mắt.*

*Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp xem rõ, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.*

**Phải từ tâm chân thực, xả bỏ ba nghiệp bất thiện, và cũng phải từ tâm chân thực khởi ba nghiệp thiện thân khẩu ý.**

**Bất luận trong, ngoài, sáng, tối, đều phải một lòng chân thực, cho nên gọi là chí thành tâm.**

**Hai là thâm tâm. Thâm tâm tức là lòng tin sâu, có hai loại:**

**a/ Quyết định tin sâu rằng thân hiện tại của mình là phạm phu tội ác sinh tử, từ vô thủy đến nay, chìm đắm, trôi lăn trong sinh tử, không có nhân duyên để xuất ly.**

**b/ Quyết định tin sâu, không còn nghi ngờ đắn đo rằng Đức A Di Đà có bốn mươi tám lời nguyện, nhiếp thọ chúng sinh, nương vào nguyện lực của Ngài ắt được vãng sinh.**

**Lại quyết định tin sâu rằng Đức Phật Thích Ca giảng nói Quán Kinh về ba phước, chín phẩm, định thiện, tán thiện, cùng chứng minh tán thán y báo chánh báo của cõi Cực Lạc để cho chúng sinh hâm mộ.**

**Lại quyết định tin sâu rằng trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật chứng minh, khuyến khích, tất cả phạm phu quyết định được vãng sinh.**

**Đối với lòng tin sâu này, ngưỡng nguyện tất cả hành giả, một lòng chỉ tin lời Phật, không luyến tiếc thân mạng, quyết định phụng hành. Phật bảo xả bỏ, nhất định phải xả bỏ, Phật bảo hành trì, nhất định phải hành trì, Phật bảo vãng sinh, nhất định phải vãng sinh, đây gọi là tùy thuận lời Phật dạy, tùy thuận ý muốn của Phật, tùy thuận bốn nguyện của Phật. Đây gọi là Phật tử chân thực.**

**Lại nữa, tất cả hành giả, chỉ cần y theo Kinh này, tin tưởng hành trì, chắc chắn sẽ không bị sai lầm. Vì sao? Đức Phật là Bậc đầy đủ tâm đại bi, là Bậc nói lời thật, từ Phật trở xuống, tất cả phạm thánh khác, trí hạnh chưa đầy đủ, còn tại học địa, chưa trừ sạch phiền não chướng và sở tri chướng, nguyện hạnh chưa tròn, những người như vậy, giả sử muốn suy lường trí của Phật, cũng chưa chắc suy lường nổi; tuy có bình luận, phán đoán, nhưng phải qua sự ấn chứng của Phật mới trở thành định án. Nếu như xứng ý của Phật, Ngài sẽ ấn khảm: “Như thị! Như thị!”, nếu không xứng ý Phật, Ngài sẽ bảo: “Lời nói của ông, ý nghĩa không như vậy!” Không được ấn khảm thì bị xem như lời nói không đáng ghi chép, hoàn toàn không lợi ích. Những điều Phật ấn khảm, tức là tùy thuận chánh giáo của Phật, còn những lời Phật nói, thì tức là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dù ít dù nhiều, cũng không cần hỏi Bồ tát, trời người là đúng hay sai! Nếu những lời Phật nói là liễu nghĩa, thì những lời của chư Bồ tát nói đều không liễu nghĩa. Phải nên biết như thế!**

**Bởi vậy, hiện nay ngưỡng mong quý vị có duyên với pháp Vãng sinh, chỉ nên tin sâu lời Phật, chuyên chú phụng hành, không nên tin những lời dạy không tương ưng của chư vị Bồ tát, khởi tâm nghi ngờ, tự làm chướng ngại, cố chấp mê mờ, mà đánh mất sự lợi ích lớn lao của sự vãng sinh.**

**Lại nữa, người có lòng tin sâu thiết, quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, vĩnh viễn dứt trừ nghi hoặc, lầm lẫn; quyết không vì tất cả giải ngộ khác biệt, hành trì khác biệt, sở học khác biệt, kiến giải khác biệt, thiên chấp khác biệt, mà làm cho mình thoái thất dao động.**

**Hỏi: Phạm phu trí tuệ nông cạn, tội chướng sâu dày, nếu gặp phải những người tu pháp môn khác đem những kinh luận khác ra dẫn chứng rằng: “Tất cả phạm phu tội chướng không thể vãng sinh”, làm thế nào để đối phó, hòng giữ vững lòng tin, quyết định tiến bước, mà không sinh khiếp nhược?**

**Trả lời: Nếu có người đem kinh luận ra dẫn chứng rằng không có sự vãng sinh, hành giả nên trả lời với họ rằng: “Ông tuy đem kinh luận ra dẫn chứng sự không thể vãng sinh, nhưng theo thiện ý của tôi, quyết không tiếp thọ lời nói của ông. Vì sao? Tôi không phải không tin những lời ông nói, thực sự là tôi tin tưởng tất cả kinh luận đó, thế nhưng lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, xứ sở khác, thời gian khác, đối tượng thuyết pháp khác, sự lợi ích cũng khác; lại nữa, lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, không phải là lúc Ngài nói Quán Kinh, A Di Đà Kinh, v.v.. Và lại, Đức Phật nói pháp thích ứng cơ nghi, thời tiết không đồng, những kinh luận đó là nói chung về các giải hạnh cho**

*hàng trời người và chư Bồ tát, còn hiện nay nói hai công hạnh định thiện và tán thiện trong Quán Kinh là Lời bàn cho hoàng hậu Vi Đề Hy, cùng cho tất cả chúng sinh ở trong đời ác năm trước sau khi Đức Phật diệt độ, xác chứng cho sự vãng sinh. Do nhân duyên này, hiện nay tôi nguyện một lòng y theo lời dạy của Phật, quyết định phụng hành. Giả sử ông dẫn chứng trăm ngàn vạn ức kinh luận nói không vãng sinh, điều này chỉ càng làm tăng trưởng thành tựu lòng tin của tôi đối với sự vãng sinh Cực Lạc”.*

*Lại nữa, hành giả nên nói với đối phương: “Ông hãy lắng nghe, tôi nay nói thêm cho ông biết về lòng tin quyết định của tôi. Giả sử địa tiền Bồ tát, La hán, Bích chi Phật, dù một người hay nhiều người đầy khắp mười phương, đều dẫn chứng kinh luận nói không có sự vãng sinh, tôi cũng không khởi một niệm nghi ngờ, và điều đó cũng chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin thanh tịnh của tôi đối với sự vãng sinh. Vì sao? Vì lời Phật là quyết định thành tựu liễu nghĩa, tất cả thế gian đều không thể phá hoại được.*

*Lại nữa, ông nên nghe cho kỹ, giả sử chư Bồ tát từ Sơ địa đến Thập địa, dù một người hay nhiều người đầy khắp mười phương, cùng nhau nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Phật A Di Đà, quở trách ba cõi sáu đường, khuyến khích chúng sinh chuyên tâm niệm Phật và tu tập các công hạnh lành khác, sau khi lâm chung nhất định sẽ vãng sinh Cực Lạc, đây quyết là lời hư dối, không thể tin được.” Tôi tuy nghe những lời như thế, cũng không hề sinh khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin quyết định bậc thượng thượng của tôi. Vì sao? Bởi vì lời của Phật là quyết định liễu nghĩa. Phật là Đấng Thực trí, Thực giải, Thực kiến, Thực chứng, không phải là người dùng tâm nghi hoặc mà nói; lại nữa, lời dạy của Ngài không thể bị những dị kiến, dị giải của các vị Bồ tát phá hoại; nếu như thật là Bồ tát, những vị ấy quyết không đi ngược lời Phật dạy.*

*Lại nữa, hành giả nên biết, giả sử như Hóa thân Phật, Báo thân Phật, hoặc một vị hoặc nhiều vị, đầy khắp mười phương, mỗi vị đều phóng ánh sáng, hiện tướng lưới rộng dài biến khắp mười phương, đều nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Cực Lạc, khuyến phát tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật, cùng tu các hạnh khác để được vãng sinh Cực Lạc, đây là điều hư dối, quyết định không có việc này.” Hành giả tuy nghe chư Phật nói lời như vậy, nhất định không khởi một niệm nghi ngờ, thoái chuyển, sợ rằng không vãng sinh Cực Lạc. Vì sao? Bởi vì một vị Phật, hay tất cả các vị Phật, các Ngài có cùng tri kiến, giải hạnh, chứng ngộ, quả vị, đại bi, v.v., hoàn toàn giống nhau, không một chút sai biệt, cho nên điều mà một vị Phật chế định, tất cả vị Phật khác cũng đều chế định. Chẳng hạn như vị Phật trước cấm chế đoạn trừ tội của mười điều ác như sát sanh, v.v.; nếu rốt ráo không làm, không phạm, thì gọi là thập thiện, thập hạnh, và có nghĩa là tùy thuận lục độ; nếu có vị Phật sau ra đời, chẳng lẽ ngài lại sửa đổi mười điều thiện, khiến chúng sinh làm mười điều ác hay sao? Dựa vào đạo lý này để suy nghiệm, có thể biết rõ rằng lời nói, hành động của chư Phật không trái nghịch nhau. Nếu như Đức Thích Ca chỉ dẫn, khuyến khích tất cả phàm phu, trọn cuộc đời họ, chuyên niệm danh hiệu Phật, siêng tu các công hạnh, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc, tức là các Đức Phật khác ở mười phương ắt cũng đều phải tán thán, khuyến khích, chứng minh cho sự giáo hóa này. Vì sao? Vì các Ngài đều chứng đắc đồng thể đại bi! Lời dạy của một Đức Phật tức là lời dạy của tất cả chư Phật, lời dạy của tất cả chư Phật cũng tức là lời dạy của một Đức Phật, chẳng hạn như Kinh A Di Đà nói: “Đức Thích Ca tán thán cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại khuyến khích tất cả phàm phu, một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu của Đức A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh”, kể đó, đoạn dưới nói: “Trong mười phương thế giới, mỗi phương có hằng hà sa số chư Phật, đồng lên tiếng tán thán Đức Phật Thích Ca ở cõi ngũ trước, ác thời, ác thế giới, ác chúng sinh, ác kiến, ác tà, lúc chúng sinh không có lòng tin, mà có thể chỉ dẫn, tán thán danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyên chúng sinh xưng niệm, quyết được vãng sinh, ...” Đây là một chứng minh cho sự nhất trí của chư Phật.*

*Lại nữa, mười phương chư Phật, e rằng chúng sinh không tin lời dạy của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, hiện tướng lưới rộng dài, bao trùm các cõi tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Tất cả chúng sinh đều phải nên tin nhận lời dạy dỗ, tán thán, chứng tín của Phật Thích Ca. Tất cả phàm phu, bất luận tội phước nhiều ít, căn cơ cao thấp, chỉ cần trọn cả một đời, hoặc ít nhất là một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh, chắc chắn không còn nghi ngờ.” Bởi thế, lời dạy của một Đức Phật ắt sẽ được tất cả chư Phật chứng thành. Đây gọi là “từ người mà thiết lập lòng tin”.*

**Kể đến, “từ công hạnh thiết lập lòng tin”. Công hạnh có hai loại: một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh, v.v., như phẩm Hai Hạnh ở trên đã nói, sợ phiền toái nên không ghi ra, xin người đọc hiểu ý.**

**3/ Hồi hướng phát nguyện tâm. Nghĩa là đem tất cả thiện căn thế gian, xuất thế gian, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tự tu tập, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tùy hỷ công đức tu tập của tất cả phàm thánh, từ đời quá khứ cho đến hiện nay, dùng lòng tin thâm sâu chân thực, hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc, đây gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Lại nữa, sự hồi hướng phát nguyện vãng sinh này, phải là do tâm chân thực quyết định, hồi hướng phát nguyện cầu sinh; lòng tin thâm sâu chân thực này, cứng chắc như kim cương, quyết không bị những người dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, làm động loạn phá hoại. Chỉ nên một lòng quyết định, thẳng đường tiến bước, không được nghe lời kẻ khác, rồi phân vân lưỡng lự, sinh lòng sợ hãi, làm mất đi lợi ích lớn của sự vãng sinh.**

**Hỏi: Nếu như có người tu tạp hạnh, tà hạnh, không cùng kiến giải, hạnh nguyện, đến làm mê hoặc, não loạn, hoặc dùng đủ thứ luận điệu cho rằng không có sự vãng sinh, hoặc nói rằng chúng sinh từ vô thủy đến nay, ba nghiệp thân khẩu ý, đối với tất cả phàm thánh, đã tạo đủ các tội, như thập ác, ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng, hủy báng chánh pháp, làm nhất xiển đề, phá giới, phá kiến, v.v., chưa thể diệt hết, quả báo của những tội ác này là ác đạo trong ba cõi, làm sao có thể trong một đời tu phước, niệm Phật, mà có thể tức khắc chứng nhập vào cõi vô lậu vô sinh, vĩnh viễn chứng đắc bất thoái chuyển.**

**Trả lời: Giáo, lý, hành, giải của chư Phật, số lượng nhiều hơn hàng sa, tất cả tùy theo cơ duyên, tình huống của chúng sanh mà thiết lập. Những điều có thể thấy có thể tin trên thế gian, chẳng hạn như ánh sáng phá trừ bóng tối, không gian có thể bao hàm vạn hữu, đất có thể chuyên chở, nuôi dưỡng vạn vật, nước đem đến sự tươi nhuận, lửa đem đến sự thành hoại của vạn vật, tất cả những sự việc này là pháp đối đãi, mà còn có thể đem đến ngàn muôn sự lợi ích khác nhau, huống là thân lực không thể nghĩ bàn của Phật pháp, lẽ nào không có ngàn ngàn sự lợi ích?**

**Nếu như tạo một nghiệp, thì sẽ tự đem đến cho mình một phiền não, nếu như tu một pháp môn, thì sẽ bước vào một cửa trí tuệ giải thoát. Mọi người đều tùy theo nhân duyên của mình mà khởi hạnh tu tập, cầu mong sự giải thoát, ông vì có gì đem những pháp tu mà tôi không có duyên đến làm chướng ngại sự tu tập của tôi. Pháp môn mà tôi ưa thích, tức là pháp môn mà tôi có duyên, đây không phải là chỗ ông mong cầu; còn pháp môn mà ông ưa thích, tức là pháp môn mà ông có duyên, nó cũng không phải là chỗ tôi mong cầu, như vậy, mỗi người tùy theo ý thích của mình mà tu tập, ắt sẽ mau gặt được quả giải thoát.**

**Hành giả nên biết, nếu muốn học tập giải môn, thì từ phàm phu đến bậc thánh, nhĩn đến thành Phật, tất cả pháp môn đều phải học, còn nếu muốn tu tập hành môn, cần phải nương vào pháp môn mà mình có duyên, ít dùng sức, ít lao nhọc, mà được nhiều sự lợi ích.**

**Lại nữa, xin bấm bạch cùng các hành giả tu hạnh Vãng sinh, hiện nay xin đưa ra một ví dụ, giúp cho hành giả thủ hộ lòng tin của mình, không để cho bọn tà ma ngoại đạo dị kiến lung lạc.**

**Ví như có người đi về hướng tây, trăm ngàn dặm đường, khoảng giữa lộ trình có hai dòng sông chắn ngang, dòng sông lửa ở phía nam, dòng sông nước ở phía bắc, mỗi dòng sông rộng độ một trăm bước, sâu không thấy đáy, hai phía nam bắc không thấy ngàn mé. Băng qua hai dòng sông nước và lửa, có một con đường trắng rộng độ bốn, năm thốn, từ bờ phía đông sang bờ phía tây, dài độ hai trăm bước. Bên phía dòng sông nước, sóng vỗ ào ạt, làm mặt đường trở thành trơn tuột, còn bên phía dòng sông lửa, lửa bốc mù mịt, làm cho mặt đường trở thành nóng bỏng, hai bên nước lửa tung tóe, không lúc nào ngừng. Người đó đến gần bờ sông, chung quanh đồng không mông quạnh, thốt nhiên có lũ đạo tặc và ác thú, thấy người đó đơn độc bèn đuổi theo muốn sát hại, người đó sợ chết bèn bỏ chạy về hướng tây, thấy hai dòng sông lớn này, trong lòng tự nghĩ: “Dòng sông này dài không thấy đầu đuôi, băng ngang là một con đường trắng nhỏ hẹp, hai bờ tuy cách nhau không xa, nhưng làm sao qua được. Hôm nay chắc bị chết ở chốn này!” Vừa muốn quày đầu, liền thấy lũ đạo tặc và ác thú phía sau đã đến gần kề, nếu muốn đi về phía nam hoặc bắc thì lại bị ác thú, rắn độc đón đầu, muốn theo con đường chạy về phía tây, lại sợ hai con sông nước, lửa. Trong lúc đang bàng hoàng sợ hãi, bèn tự nghĩ thâm: “Bây giờ quay lại cũng chết, đứng lại cũng chết, đi tới cũng chết, đường nào cũng chết, chỉ bằng cứ theo phía trước mà tiến bước, nếu đã có con đường này, ắt sẽ thoát hiểm!” Vừa nghĩ như vậy, bỗng nghe bên bờ phía đông (phía sau) có tiếng người khuyến**



khích: “Ông nên quyết định đi về hướng đó, ắt không còn nguy hiểm, nếu đứng lại thì sẽ chết.” Lại nghe bên bờ phía tây (trước mặt) có tiếng người gọi: “Ông nên một lòng chánh niệm đi thẳng qua đây, ta sẽ bảo vệ cho ông, không nên sợ bị rơi xuống nước, lửa.” Người đó nghe tiếng hai phía, bên khuyên bên gọi, tức thời chấn chỉnh thân tâm, quyết định không còn rụt rè nghi ngại, đi thẳng theo con đường trước mặt. Vừa mới đi được một đoạn, bỗng nghe bọn đạo tặc bên bờ phía đông kêu réo: “Ông hãy quay lại, con đường trước mặt rất hiểm nghèo không qua được, chắc chắn sẽ bị chết, chúng tôi không có ác ý gì với ông!” Người đó tuy nghe tiếng kêu réo, vẫn nhất quyết không quay đầu, một lòng lần theo con đường đi thẳng tới trước, không bao lâu đã qua đến bờ bên kia, vĩnh viễn lìa xa ách nạn, gặp lại bạn bè, vô cùng hạnh phúc.

Ở đây, bờ phía đông ví cho cõi nhà lửa Ta bà, bờ phía tây ví cho cõi nước báu Cực Lạc, lũ đạo tặc và ác thú giả vờ thân thiện ví cho cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, ngũ âm, tứ đại, v.v.; đồng không môn quạnh ví cho sự việc thường theo bọn ác tri thức, không gặp được thiện tri thức chân thực; hai con sông nước, lửa ví cho chúng sinh tham ái giống như nước, sân ghét giống như lửa; con đường trắng rộng bốn, năm thốn ví cho trong sự tham sân phiền não của chúng sinh, có thể sinh khởi tâm nguyện vãng sinh thanh tịnh. Lại do tâm tham sân si hãy hừng, nên ví với nước lửa, còn tâm thiện yếu ớt, nên ví với con đường trắng nhỏ hẹp. Lại nữa, “sóng vỗ ào ạt làm mặt đường trở nên trơn tuột” ví cho tâm tham ái thường khởi động làm nhiễm ô thiện căn; “lửa bốc mù mịt làm mặt đường trở thành nóng bỏng” ví cho tâm hiềm hận có thể thiêu đốt công đức pháp tài; “người đi về phía tây” ví cho sự hồi hướng các công hạnh tu tập để vãng sinh Cực Lạc; “nghe bên bờ phía đông có tiếng người khuyến khích, bèn đi về phía tây” ví cho sau khi Đức Thích Ca diệt độ, người sau tuy không còn thấy được Ngài, nhưng vẫn còn giáo pháp để lại, giống như âm thanh (lời dạy); “vừa mới đi một đoạn, nghe bọn đạo tặc kêu réo” ví cho những người biệt giải, biệt hành, hoặc những kẻ ác kiến, v.v., dùng những luận điệu mê hoặc não loạn, làm cho hành giả thoái thất đạo tâm; “bờ phía tây có tiếng người gọi” là ví cho nguyện ý của Đức A Di Đà; “không bao lâu qua đến bờ bên kia, gặp lại bạn bè” là ví cho chúng sinh đắm chìm trong sinh tử, luân hồi dài lâu, mê hoặc điên đảo, tự trói tự buộc, không được giải thoát, nhờ ơn Đức Thích Ca chỉ dạy pháp môn Tây Phương Tịnh Độ, lại nhờ ơn Đức A Di Đà thiết tha mời gọi, hiện nay tin tưởng thuận tùng ý nguyện của hai Ngài, không quan tâm đến hai dòng sông nước, lửa, tâm tâm niệm niệm hướng về Tây Phương, nương theo con đường nguyện lực của Phật, sau khi mệnh chung, vãng sinh Cực Lạc, được diện kiến Đức A Di Đà, vui mừng không tả xiết.

Lại nữa, tất cả hành giả, trong lúc đi đứng nằm ngồi, ba nghiệp tu tập, bất luận ngày đêm sáng tối, thường phải nên hiểu như vậy, nghĩ như vậy, cho nên gọi là “hồi hướng phát nguyện tâm”.

Lại nữa, hồi hướng còn có nghĩa là sau khi vãng sinh Cực Lạc, khởi tâm đại bi, quay trở lại cõi sinh tử, giáo hóa chúng sinh, đây cũng gọi là hồi hướng.

Ba tâm đầy đủ, không hạnh nào không thành tựu, nguyện hạnh đã thành tựu, không thể nào không vãng sinh Cực Lạc. Lại nữa, phải nên biết rằng tâm này bao hàm tất cả ý nghĩa của hai hạnh định thiện và tán thiện.

Vãng Sinh Lễ Tán nói: “Hỏi: Nay muốn khuyên người khác vãng sinh, không biết ba pháp an tâm, khởi hạnh và tác nghiệp, pháp nào giúp hành giả nhất định sẽ được vãng sinh? Trả lời: Muốn vãng sinh Cực Lạc, như Quán Kinh có nói, phải đầy đủ ba tâm mới được vãng sinh, ba tâm đó là:

1/ Chí thành tâm: nghĩa là thân nghiệp lễ bái Đức Phật A Di Đà, khẩu nghiệp tán thán xưng dương Đức Phật A Di Đà, ý nghiệp chuyên niệm quán sát Đức A Di Đà. Lúc khởi ba nghiệp, cần phải chân thực, cho nên gọi là chí thành tâm.

2/ Thâm tâm: nghĩa là lòng tin chân thực. Tin hiểu rằng tự thân mình là một phàm phu đầy phiền não, thiện căn mỏng ít, trôi lăn ba cõi, không ra khỏi nhà lửa, hiện nay tin bốn nguyện hồng thệ của Đức A Di Đà, xưng niệm danh hiệu, ít nhất là mười tiếng, một tiếng, v.v., quyết định sẽ được vãng sinh, trong tâm không còn một niệm nghi ngờ, cho nên gọi là thâm tâm.

3/ Hồi hướng phát nguyện tâm: tất cả thiện căn tu tập được, đều hồi hướng cầu vãng sinh Cực Lạc, cho nên gọi là hồi hướng phát nguyện tâm.

***Đầy đủ ba tâm này, ắt sẽ được vãng sinh, nếu như thiếu một, thì không được vãng sinh, như Quán Kinh đã nói rõ, phải nên biết như vậy.***

*Lời bàn:* Ba tâm được dẫn giải ở trên là ba điều trọng yếu cho hành giả. Vì sao? Quán Kinh nói: “Đầy đủ ba tâm ắt sinh Cực Lạc”, rõ ràng là đầy đủ ba tâm chắc chắn sẽ được vãng sinh. Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói: “Nếu thiếu một tâm, không được vãng sinh”, rõ ràng là nếu thiếu một tâm, càng không được vãng sinh. Nhân đây, người muốn vãng sinh Cực Lạc, phải có đầy đủ ba tâm.

Trong đây, chí thành tâm tức là tâm chân thực, tướng trạng như vừa được mô tả ở trên. Thế nhưng “bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, còn bên trong thì giả dối hư ngụy”, bên trong và bên ngoài tương phản, nghĩa là bên ngoài có vẻ trí tuệ mà bên trong thì ngu si; chữ “hiền” là trái với “ngu”, nghĩa là ngoài thì hiền mà trong thì ngu; chữ “thiện” là trái với “ác”, “tinh tấn” là trái với biếng nhác, nghĩa là bên ngoài hiện tướng tinh tiến, bên trong lòng lại biếng lười. “Bên trong giả dối hư ngụy, v.v..”, bên trong là đối với bên ngoài mà nói, nghĩa là sự nghĩ ngợi trong lòng và tướng trạng hiện ra bên ngoài hoàn toàn trái ngược nhau.

Kể đến, thâm tâm, tức là lòng tin sâu xa. Nên biết:

***Nghi ngờ là nguyên nhân giữ chúng sinh trong nhà sinh tử.***

***Lòng tin là động lực đưa hữu tình vào thành Niết Bàn.***

Bởi thế, hiện nay kiến lập hai loại tín tâm, là để quyết định vãng sinh chín phẩm liên hoa. Lại nữa, trong đây nói tất cả biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến, v.v..., là chỉ cho giải, hành, học, kiến của Thánh Đạo Môn, còn những công hạnh khác là chỉ cho Tịnh Độ Môn. Điều này có thể thấy rõ trong kinh. Như vậy, bản ý của ngài Thiện Đạo cũng không ra ngoài phạm vi của hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ.

Ngoài ra, nên biết rằng ý nghĩa của “hồi hướng phát nguyện tâm”, cũng không thể giải thích cách khác được.

Ba tâm này, nếu nói tổng quát, là chỉ chung cho tất cả pháp hành, còn nếu Lời bàn rõ, là chỉ riêng cho công hạnh vãng sinh. Nay nêu ra “chung” để bao quát “riêng”, ý nghĩa ắt sẽ đầy đủ. Hành giả phải nên để ý, không được sơ suất.

Một thôn dài độ ba phân tây (3 cm).